

VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG LÀNG XÃ VÙNG ĐỒNG BẰNG THANH HÓA: NHẬN DIỆN VÀ XÁC ĐỊNH NHỮNG GIÁ TRỊ CẦN ƯU TIÊN BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY

NGUYỄN HỒNG VINH
Trường Đại học Vinh
NGUYỄN THỊ THANH NGÀ
Trường Đại học Hồng Đức

Nhận bài ngày 07/9/2026. Sửa chữa xong 27/9/2026. Duyệt đăng 06/10/2026.

Abstract

This article identifies traditional village cultural values in the lowland area of Thanh Hoa Province and determines priorities for their protection and promotion. The study draws on 1,100 survey responses collected across 12 localities, supplemented by fieldwork and cultural inventory records. The findings identify five principal groups of values: history and awareness of origins; community cohesion, moral principles, and village and lineage norms; spirituality and communal beliefs; folk knowledge, skills, and creativity; and village architecture, arts, and landscapes. The extent to which these values are maintained varies considerably. The continued existence of a cultural form or value-bearing object does not necessarily indicate that its associated values remain fully preserved. The study also demonstrates that priorities for protection and promotion should be determined separately. Its findings provide scientific and practical foundations for developing a list of traditional village cultural values in lowland Thanh Hoa that require protection and promotion.

Keywords: Cultural management, protection and promotion, Thanh Hoa Province, traditional cultural values, village culture.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa làng xã là một bộ phận quan trọng của văn hóa truyền thống Việt Nam, được hình thành trong quá trình cộng cư lâu dài của các cộng đồng dân cư. Các nghiên cứu về làng xã Việt Nam cho thấy làng không chỉ là một đơn vị cư trú mà còn là không gian xã hội - văn hóa, nơi duy trì các quan hệ cộng đồng, thiết chế tự quản, phong tục, tín ngưỡng và những hình thức sinh hoạt truyền thống (Trần Từ, 1984; Phan Đại Doãn, 2001). Ở vùng đồng bằng Thanh Hóa, các giá trị văn hóa làng xã được lưu giữ qua hệ thống thiết chế, không gian cư trú, quan hệ cộng đồng, tín ngưỡng, phong tục, nghề và tri thức dân gian, góp phần tạo nên ý thức nguồn cội và bản sắc văn hóa địa phương.

Các nghiên cứu về văn hóa làng, hương ước và văn hóa xứ Thanh đã cung cấp những cơ sở quan trọng để nhận diện tổ chức cộng đồng, chuẩn mực làng xã và sự đa dạng của các loại hình văn hóa truyền thống (Trần Từ, 1984; Phan Đại Doãn, 2001; Võ Quang Trọng & Vũ Ngọc Khánh, 2000; Lê Thanh Hà, chủ biên, 2024). Tuy nhiên, việc xác định một loại hình hay thành tố văn hóa đang hiện diện chưa đồng nghĩa với việc nhận diện đầy đủ những giá trị mà nó chứa đựng và chuyển tải. Vì vậy, vấn đề cần tiếp tục làm rõ không chỉ là văn hóa làng xã còn những loại hình nào, mà còn là những giá trị nào đang được duy trì, chúng đang ở trạng thái nào và xác định các nội dung cần được ưu tiên bảo vệ, phát huy.

Cách tiếp cận này có sự tương thích với quan điểm của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa. Công ước năm 1972 cung cấp cơ sở tham chiếu đối với các di tích, quần thể và địa điểm có giá trị lịch sử, nghệ

Email: thanhngavht2012@gmail.com

thuật, khoa học; trong khi Công ước năm 2003 nhấn mạnh thực hành, tri thức, kỹ năng, cộng đồng và sự trao truyền giữa các thế hệ (UNESCO, 1972, 2003).

Trong nghiên cứu này, giá trị văn hóa truyền thống làng xã được hiểu là những ý nghĩa lịch sử, xã hội, tinh thần, tri thức và thẩm mỹ được cộng đồng tạo lập, thừa nhận và trao truyền thông qua các thiết chế, không gian, thực hành và sản phẩm văn hóa. Theo cách hiểu đó, di tích, lễ hội, hương ước, nghề truyền thống hay các hình thức sinh hoạt dân gian là những vật mang hoặc hình thức biểu hiện của giá trị, không đồng nhất với bản thân giá trị. Sự phân biệt này có ý nghĩa trực tiếp đối với việc xác định nội dung cần bảo vệ và phát huy.

Trong quá trình phát triển hiện nay, các giá trị văn hóa làng xã ở vùng đồng bằng Thanh Hóa không được duy trì trong cùng một trạng thái. Có giá trị vẫn còn chủ thể, môi trường thực hành và khả năng trao truyền; có giá trị tuy còn hình thức hoặc vật mang nhưng chức năng, tri thức và mức độ thực hành đã suy giảm; một số khác đứng trước nguy cơ mai một hoặc đứt truyền. Vì vậy, việc xác định mức độ ưu tiên cần xem xét đồng thời ý nghĩa của giá trị, tình trạng duy trì, mức độ tổn thương, chủ thể và khả năng tiếp tục trao truyền.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại khu vực đồng bằng thuộc 7 huyện cũ của tỉnh Thanh Hóa, gồm Hà Trung, Vĩnh Lộc, Yên Định, Thiệu Hóa, Thọ Xuân, Triệu Sơn và Nông Cống, không bao gồm khu vực đồng bằng ven biển. Điều tra xã hội học được triển khai tại địa bàn 12 xã: Thiệu Trung, Yên Ninh, Trường Văn, Lam Sơn, Sao Vàng, Nông Cống, Vĩnh Lộc, Thiệu Tiến, Tống Sơn, Định Tân, Hợp Tiến và Biện Thượng, với 1.100 phiếu khảo sát người dân. Nghiên cứu không thiết kế mẫu theo hướng suy rộng thống kê cho toàn bộ vùng đồng bằng Thanh Hóa; số liệu được sử dụng chủ yếu để nhận diện xu hướng và so sánh giữa các địa bàn khảo sát. Điều tra bằng bảng hỏi được kết hợp với điền dã thông qua quan sát, ghi chép và trao đổi với cư dân, cán bộ địa phương. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả và so sánh; kết quả định lượng được đối chiếu, kiểm chứng chéo với tư liệu điền dã và tài liệu kiểm kê.

Mức độ ưu tiên được xác định riêng đối với bảo vệ và phát huy. Bảo vệ được xem xét theo tình trạng duy trì, mức độ tổn thương, nguy cơ thất tán, mai một hoặc đứt truyền và khả năng phục hồi; phát huy được xác định theo sự hiện diện của chủ thể, môi trường thực hành, khả năng trao truyền, mức độ phù hợp và khả năng tiếp tục tham gia đời sống cộng đồng. Mỗi phương diện gồm ba mức: I – ưu tiên cao; II – ưu tiên; III – duy trì thường xuyên. Đây không phải là thang xếp hạng giá trị văn hóa, mà là mức độ ưu tiên can thiệp bảo vệ và phát huy trong điều kiện thực tế.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nhận diện các giá trị văn hóa truyền thống làng xã ở vùng đồng bằng Thanh Hóa

Các thiết chế, không gian và thực hành văn hóa là những hình thức lưu giữ và biểu hiện giá trị văn hóa. Từ kết quả khảo sát, điền dã và đối chiếu tư liệu, có thể nhận diện năm nhóm giá trị cơ bản của văn hóa truyền thống làng xã vùng đồng bằng Thanh Hóa.

3.1.1. Giá trị lịch sử và ý thức nguồn cội

Giá trị này được lưu giữ qua địa danh, di tích, gia phả, hương ước, thần tích và ký ức về quá trình hình thành cộng đồng, dòng họ, nhân vật và sự kiện lịch sử. Ở vùng đồng bằng Thanh Hóa, lịch sử của nhiều cộng đồng làng có sự gắn bó chặt chẽ với lịch sử dân tộc. Lam Sơn - Thọ Xuân gắn với Lê Lợi và khởi nghĩa Lam Sơn; Vĩnh Lộc gắn với nhà Hồ và Tây Đô... Trong những trường hợp này, lịch sử được duy trì không chỉ qua công trình mà còn qua địa danh, gia phả, thần tích, tín ngưỡng và các hoạt động tưởng niệm, qua đó kết nối lịch sử làng, lịch sử dòng họ, lịch sử xứ Thanh với lịch sử đất nước.

3.1.2. Giá trị cổ kết cộng đồng, đạo lý và kỷ cương làng - họ

Giá trị cổ kết cộng đồng được biểu hiện qua trách nhiệm đối với việc chung, sự tương trợ, đạo lý với tổ tiên cùng những quy ước điều chỉnh quan hệ trong cộng đồng. Hương ước cổ Thanh Hóa cho thấy những trách nhiệm này được cụ thể hóa khá rõ trong từng làng, từng thôn xóm (Võ Quang Trọng & Vũ Ngọc Khánh, 2000).

Hiện nay, lớp giá trị này vẫn được duy trì nhưng mức độ khác nhau giữa các địa bàn. Có 880/1.100 người được hỏi (80,00%) xác nhận hương ước là một thành tố văn hóa truyền thống tại địa phương. Đối với dòng họ, tại Nông Cống, 99/99 người đánh giá vai trò của dòng họ là quan trọng đối với kỷ cương, đoàn kết, hỗ trợ cộng đồng, thờ cúng và truyền dạy phong tục; trong khi tại Tống Sơn, dù 94/99 người đánh giá cao vai trò đối với kỷ cương - đoàn kết, chỉ 6/99 người cho rằng dòng họ còn giữ vai trò quan trọng trong giáo dục.

3.1.3. Giá trị tâm linh và tín ngưỡng cộng đồng

Giá trị này được thể hiện qua quan hệ của cộng đồng với tổ tiên, Thành hoàng, người có công và các đối tượng thiêng được tôn thờ, đồng thời được duy trì qua không gian thờ tự, nghi lễ và lễ hội. Tính đến ngày 30/6/2025, bảy huyện đồng bằng cũ có 323 di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng; trong đó 304 đơn vị, chiếm 94,12%, là cơ sở thờ tự hoặc có yếu tố thờ phụng, tưởng niệm và thực hành nghi lễ. Kết quả khảo sát cũng cho thấy 835/1.100 người (75,91%) ghi nhận địa phương từng có lễ hội truyền thống. Các số liệu trên cho thấy đời sống tín ngưỡng có nền tảng vật chất và ký ức cộng đồng khá đậm nét. Tuy nhiên, giá trị tâm linh không chỉ được nhận diện qua số lượng công trình hay sự tồn tại của lễ hội, mà còn ở tri thức về đối tượng thờ, nghi thức, ký ức cộng đồng và sự tham gia của những người thực hành. Vì vậy, việc đánh giá giá trị này cần chú ý đồng thời đến không gian thờ tự, nội dung thực hành và khả năng tiếp tục trao truyền trong cộng đồng.

3.1.4. Giá trị tri thức, kỹ năng và sáng tạo dân gian

Nét đặc trưng của nhóm giá trị này là tri thức và kỹ năng được lưu giữ chủ yếu thông qua thực hành và truyền dạy trực tiếp trong cộng đồng. Điều đó thể hiện rõ ở nghề thủ công truyền thống, nơi giá trị không chỉ nằm ở sản phẩm mà còn ở kinh nghiệm nghề, kỹ thuật thao tác và những tri thức được tích lũy qua nhiều thế hệ.

Nghề đúc đồng ở Thiệu Trung là trường hợp tiêu biểu. Trong 75 người được khảo sát, 53 người xác nhận địa phương hiện còn nghề truyền thống. Đằng sau sản phẩm đúc là một hệ thống kinh nghiệm về tạo khuôn, xử lý nguyên liệu, điều chỉnh nhiệt độ, rót kim loại và hoàn thiện sản phẩm. Tư liệu điền dã cũng ghi nhận một số tri thức dân gian về sử dụng dược liệu và bài thuốc còn được lưu giữ trong phạm vi cá nhân, gia đình.

Ở một phương diện khác, 405/1.100 người được khảo sát (36,82%) cho biết địa phương từng có các hình thức văn học, nghệ thuật dân gian. Con số này cho thấy dấu ấn của các thực hành nghệ thuật vẫn còn khá rõ trong ký ức cộng đồng, nhưng đồng thời đặt ra vấn đề về khả năng tiếp nối khi nhiều loại hình phụ thuộc vào người nắm giữ lời ca, kỹ năng trình diễn và quy thức thực hành. Vì vậy, đối với nhóm giá trị này, mức độ duy trì cần được xem xét trước hết từ sự hiện diện của chủ thể thực hành và khả năng chuyển giao tri thức, kỹ năng giữa các thế hệ.

3.1.5. Giá trị kiến trúc, nghệ thuật và cảnh quan làng

Kết quả khảo sát cho thấy 992/1.100 người (90,18%) xác nhận địa phương từng có các công trình kiến trúc truyền thống và 1.000/1.100 người (90,91%) ghi nhận các thành tố như cổng làng, giếng nước, cây đa. Giá trị kiến trúc, nghệ thuật và cảnh quan không chỉ thể hiện ở từng công trình riêng lẻ mà còn ở vật liệu, kỹ thuật tạo tác, hình thức nghệ thuật và cách các thành tố được tổ chức trong không gian làng. Đình, cổng làng, giếng nước, cây đa, ao làng, đường làng và không gian sinh hoạt cộng đồng cùng tạo nên diện mạo đặc trưng của mỗi làng quê. Qua thời gian, những yếu tố ấy không chỉ góp phần định hình bản sắc mà còn trở thành những dấu ấn thân thuộc, nơi neo giữ ký ức và tình cảm quê hương của mỗi người dân khi nhớ về làng.

Năm nhóm giá trị trên không tồn tại biệt lập mà thường đan xen trong cùng một thiết chế, không gian hoặc thực hành văn hóa. Việc phân nhóm chủ yếu nhằm xác định rõ những phương diện cần được xem xét, qua đó tạo cơ sở cho việc đánh giá tình trạng duy trì, mức độ tổn thương và khả năng trao truyền ở phần tiếp theo.

3.2. Thực trạng duy trì và biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống làng xã

Tình trạng duy trì các giá trị văn hóa làng xã ở vùng đồng bằng Thanh Hóa hiện cho thấy sự phân hóa rõ về mức độ tồn tại và khả năng tiếp nối. Sự phân hóa này biểu hiện tập trung ở bốn phương diện: biến đổi của không gian truyền thống; suy giảm chủ thể và khả năng trao truyền; chuyển dịch chức năng và môi trường thực hành và sự chênh lệch giữa hình thức còn hiện diện với sức sống thực tế của giá trị.

3.2.1. Sự biến đổi thể hiện rõ ở các công trình và không gian làng truyền thống

Dữ liệu ký ức cho thấy những thành tố này từng hiện diện khá phổ biến, trong khi tư liệu điền dã cho thấy quá trình mở rộng giao thông, xây dựng nhà ở và chỉnh trang khu dân cư đã làm thay đổi đáng kể diện mạo và cấu trúc không gian của nhiều làng. Có nơi di tích vẫn được lưu giữ nhưng cảnh quan xung quanh không còn như trước; cổng làng hoặc giếng nước vẫn hiện diện nhưng vai trò trong sinh hoạt cộng đồng đã giảm rõ rệt. Điều đó cho thấy sự suy giảm không chỉ nằm ở việc một công trình còn hay mất, mà còn ở mức độ bảo lưu những đặc điểm gốc và mối liên hệ của công trình với không gian sống của cộng đồng.

3.2.2. Sự suy giảm của chủ thể và điều kiện trao truyền, thể hiện rõ ở các loại hình văn hóa phi vật thể

Kết quả điều tra tại 12 địa bàn cho thấy lễ hội truyền thống vẫn được duy trì nhưng các thành tố cấu thành đã biến đổi ở những mức độ khác nhau: 62,50% số ý kiến nhận thấy quy mô lễ hội đã giản lược, thay đổi nhiều hoặc không còn tổ chức. Thực tế khảo sát di sản văn hóa phi vật thể cũng cho thấy sự phân hóa này. Lễ tế Thành hoàng, lễ rước nước, lễ hội Kỳ Phúc và một số nghi lễ cộng đồng vẫn đang được thực hành; trong khi tục ăn chạ đứng trước nguy cơ mai một, lễ kéo ngựa thờ và một số lệ tục gắn với sinh hoạt nghi lễ cũ không còn được duy trì.

Sự suy giảm chủ thể và khả năng trao truyền cũng thể hiện ở nguồn tư liệu văn hóa của cộng đồng. Đối với gia phả và hương ước, chỉ 17,09% người được khảo sát cho biết còn giữ nguyên vẹn, trong khi 35,73% cho biết đã thất lạc một phần; số còn lại (47,18%) thuộc các trường hợp không còn lưu giữ hoặc không rõ tình trạng.

3.2.3. Sự thay đổi chức năng và môi trường thực hành

Số liệu khảo sát cho thấy các thiết chế truyền thống không mất đi theo cùng một cách, mà có xu hướng thu hẹp hoặc chuyển dịch chức năng tùy từng địa bàn. Trường hợp dòng họ thể hiện khá rõ sự khác biệt này: tại Nông Cống, 99/99 người được hỏi đánh giá dòng họ vẫn giữ vai trò quan trọng trong kỷ cương, đoàn kết, hỗ trợ cộng đồng, thờ cúng và truyền dạy phong tục; trong khi tại Tống Sơn, dù 94/99 người vẫn ghi nhận vai trò đối với kỷ cương - đoàn kết, chỉ 6/99 người cho rằng dòng họ còn có vai trò quan trọng trong giáo dục. Điều đó cho thấy sự tồn tại của một thiết chế không đồng nghĩa với việc các chức năng truyền thống của nó còn được duy trì đồng đều. Ở một số nơi, thiết chế vẫn giữ được nhiều chức năng xã hội; ở nơi khác, vai trò chủ yếu chỉ còn tập trung vào một vài phương diện. Vì vậy, tình trạng duy trì của giá trị cần được xem xét từ mức độ tham gia thực tế của thiết chế vào đời sống cộng đồng, thay vì chỉ căn cứ vào việc thiết chế đó còn tồn tại hay không.

3.2.4. Sự gia tăng về hình thức nhưng không tương ứng với mức độ duy trì của giá trị

Tư liệu điền dã cho thấy một số công trình thờ tự được tu bổ, xây dựng khang trang, trong khi hiểu biết về đối tượng thờ và nghi lễ liên quan không được duy trì tương xứng. Tương tự, lễ hội có thể tiếp tục được tổ chức hoặc mở rộng quy mô nhưng một số trò diễn, diễn xướng và lệ tục truyền thống đã giản lược hoặc không còn thực hành. Thực tế này cho thấy sự phục hồi về hình thức chỉ có ý nghĩa khi gắn với tri thức, chủ thể và môi trường thực hành của cộng đồng.

Nhìn chung, các giá trị văn hóa làng xã ở vùng đồng bằng Thanh Hóa hiện tồn tại trong những trạng thái rất khác nhau. Có giá trị còn được duy trì tương đối bền vững, có giá trị đã suy giảm về chủ thể, tư liệu hoặc chức năng, và cũng có những trường hợp hình thức vẫn hiện diện nhưng nội dung văn hóa đã biến đổi đáng kể. Vì vậy, việc đánh giá không thể chỉ dựa vào sự tồn tại của loại hình, mà cần xem xét đồng thời mức độ tổn thương và sức sống của giá trị trong cộng đồng.

3.3. Các giá trị văn hóa truyền thống làng xã cần ưu tiên bảo vệ và phát huy

Trên cơ sở năm nhóm giá trị đã được nhận diện, việc xác định mức độ ưu tiên cần đi sâu vào từng dạng biểu hiện và tình trạng cụ thể của chúng. Bảo vệ và phát huy được xem xét theo hai phương diện riêng, tương ứng với mức độ tổn thương của giá trị và khả năng tiếp tục được thực hành, trao truyền trong cộng đồng.

Bảng 1: Nội dung và mức độ ưu tiên bảo vệ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống làng xã vùng đồng bằng Thanh Hóa

Nhóm giá trị	Biểu hiện chính	Nội dung ưu tiên bảo vệ	Mức BV	Nội dung ưu tiên phát huy	Mức PH
1. Lịch sử và nguồn cội	Tư liệu thành văn và truyền miệng về lịch sử làng.	Văn bản, thông tin về lịch sử, địa danh, nhân vật, sự kiện;	I	Nghiên cứu, truyền dạy lịch sử và ý thức nguồn cội	II
	Di tích, dấu tích - địa danh gắn với lịch sử cộng đồng	Yếu tố gốc và thông tin lịch sử xác thực	II	Diễn giải giá trị; giáo dục lịch sử địa phương	II
2. Cốt kết cộng đồng, đạo lý và kỷ cương làng – họ	Hương ước, gia phả, gia quy	Văn bản, thông tin về lịch sử, phong tục, tổ chức và quy ước cộng đồng	I	Nghiên cứu; kế thừa chọn lọc các giá trị còn phù hợp	II
	Nghi lễ trong dòng họ	Tri thức nguồn gốc dòng họ; thực hành cốt lõi giữa các thế hệ	II	Giáo dục nguồn cội; củng cố quan hệ giữa các thế hệ	I
	Cố kết, tương trợ, khuyến học, khuyến tài.	Điều kiện xã hội và sự tham gia tự nguyện của cộng đồng	III	Phát huy tương trợ, khuyến học, việc chung và trách nhiệm cộng đồng	I
3. Tâm linh và tín ngưỡng cộng đồng	Đối tượng thờ, thần tích, không gian thiêng, thực hành tín ngưỡng	Tri thức về đối tượng thờ; chủ thể, thực hành và không gian thiêng	II	Duy trì thực hành phù hợp; giới thiệu ý nghĩa lịch sử, đạo lý	II
	Nghi lễ cộng đồng trong lễ hội	Văn tế, trình tự, kỹ năng nghi lễ, đồ tế, người thực hành	I	Truyền dạy và duy trì nghi lễ ở nơi còn điều kiện thực hành	II
4. Tri thức, kỹ năng và sáng tạo dân gian	Nghề thủ công còn được thực hành	Chủ thể, kỹ thuật, bí quyết và quy trình nghề	II	Truyền nghề, duy trì sản xuất, phát triển sản phẩm phù hợp	I
	Nghề, kỹ năng đang thu hẹp hoặc có nguy cơ đứt truyền	Người nắm giữ, kỹ thuật, bí quyết và kỷ ức nghề	I	Phục hồi truyền nghề có chọn lọc khi còn điều kiện	II
	Trò diễn, diễn xướng, trò chơi dân gian	Bài bản, lời ca, động tác, đạo cụ, luật chơi, người nắm giữ	I	Truyền dạy; duy trì hoặc phục hồi có chọn lọc	II
	Tri thức dân gian trong đời sống, sản xuất, chăm sóc sức khỏe	Người nắm giữ; nội dung, thuật ngữ, quy trình và phương thức trao truyền	I	Tư liệu hóa, truyền dạy trong phạm vi phù hợp	II
5. Kiến trúc, nghệ thuật và cảnh quan làng	Công trình truyền thống còn yếu tố kiến trúc – nghệ thuật có giá trị	Cấu kiện gốc, vật liệu, kỹ thuật, trang trí và bố cục kiến trúc	II	Diễn giải giá trị; giáo dục di sản; sử dụng phù hợp	II
	Công trình, cấu kiện xuống cấp hoặc có nguy cơ mất yếu tố gốc	Yếu tố gốc và tính xác thực về vật liệu, kỹ thuật, hình thức	I	Sử dụng và giới thiệu giá trị sau khi được bảo vệ, tu bổ phù hợp	II
	Cấu trúc và thành tố cảnh quan có nguy cơ biến dạng	Các thành tố và quan hệ không gian cảnh quan làng	I	Lồng ghép bảo vệ trong quy hoạch, chỉnh trang và sinh hoạt cộng đồng	II

Nguồn: Nhóm tác giả

Ghi chú: BV – mức độ ưu tiên bảo vệ; PH – mức độ ưu tiên phát huy. Mức I: ưu tiên cao; Mức II: ưu tiên; Mức III: duy trì thường xuyên. Các mức trong bảng mang tính khái quát đối với từng dạng biểu hiện; khi áp dụng cho một di sản, thực hành hoặc địa bàn cụ thể cần căn cứ vào tình trạng thực tế.

Bảng 1 cho thấy bảo vệ và phát huy không vận động theo cùng một chiều. Những nội dung phụ thuộc nhiều vào tư liệu gốc, người nắm giữ, kỹ năng thực hành hoặc môi trường tồn tại thường có mức ưu tiên bảo vệ cao vì khi các điều kiện này mất đi, khả năng phục hồi đầy đủ rất hạn chế. Ngược lại, những giá trị còn chủ thể, môi trường thực hành và khả năng tiếp tục tham gia đời sống cộng đồng có thể có mức ưu tiên phát huy cao dù không cần can thiệp bảo vệ ở mức tương ứng. Sự khác biệt thể hiện rõ ở hương ước, gia phả được xếp bảo vệ mức I nhưng phát huy mức II, trong khi tương trợ, khuyến học

và trách nhiệm cộng đồng ở bảo vệ mức III nhưng phát huy mức I. Cách phân mức này cho thấy bảo vệ và phát huy là hai chiều đánh giá có liên quan nhưng không đồng nhất: một bên phản ánh mức độ cấp thiết phải giữ lại những điều kiện đang bị tổn thương, bên kia phản ánh khả năng tiếp tục sống và phát huy vai trò của giá trị trong cộng đồng.

Từ góc độ quản lý văn hóa, kết quả trên cho thấy đối tượng bảo vệ không nên chỉ được xác định theo tên loại hình như di tích, lễ hội, làng nghề hay phong tục, mà cần tập trung vào những thành tố làm nên giá trị, chủ thể nắm giữ và điều kiện trao truyền. Với giá trị lịch sử, trọng tâm là tư liệu và thông tin xác thực; với nghi lễ và nghệ thuật dân gian là người nắm giữ, kỹ năng và môi trường thực hành; với nghề là chủ thể và bí quyết nghề; với kiến trúc, cảnh quan là yếu tố gốc và quan hệ không gian. Cách tiếp cận này chuyển trọng tâm từ duy trì hình thức sang bảo vệ những điều kiện để giá trị tiếp tục tồn tại và phát huy.

Bảng 1 vì vậy được hiểu là khung ưu tiên ở cấp dạng biểu hiện, làm cơ sở chuyển từ nhận diện giá trị sang xác định nội dung can thiệp cụ thể. Đây không phải danh mục cuối cùng; khi áp dụng cho từng di sản, thực hành hoặc địa bàn, mức độ ưu tiên cần được xác định theo tình trạng thực tế.

4. Kết luận

Nghiên cứu nhận diện năm nhóm giá trị cơ bản của văn hóa truyền thống làng xã vùng đồng bằng Thanh Hóa: giá trị lịch sử và ý thức nguồn cội; giá trị cố kết cộng đồng, đạo lý và kỷ cương làng – họ; giá trị tâm linh và tín ngưỡng cộng đồng; giá trị tri thức, kỹ năng và sáng tạo dân gian; giá trị kiến trúc, nghệ thuật và cảnh quan làng.

Tình trạng duy trì các giá trị có sự phân hóa rõ. Sự tồn tại của một công trình, lễ hội, nghề hay phong tục không đồng nghĩa với việc giá trị gắn với chúng còn được bảo lưu đầy đủ; việc đánh giá cần đồng thời xem xét yếu tố gốc, chủ thể, chức năng xã hội, môi trường thực hành và khả năng trao truyền.

Kết quả nghiên cứu cho thấy bảo vệ và phát huy cần được xác định theo hai hệ tiêu chí có liên quan nhưng không đồng nhất. Mức độ ưu tiên bảo vệ gắn với mức độ tổn thương, nguy cơ thất tán, mai một hoặc đứt truyền và khả năng phục hồi; mức độ ưu tiên phát huy phụ thuộc vào chủ thể, môi trường thực hành, khả năng trao truyền và sự phù hợp với đời sống cộng đồng.

Từ góc độ quản lý văn hóa, trọng tâm không chỉ là duy trì tên gọi hay hình thức của loại hình mà phải bảo vệ những thành tố làm nên giá trị và các điều kiện để giá trị tiếp tục sống. Những thực hành đã bị đứt đoạn chỉ nên được phục hồi khi còn đủ căn cứ về tư liệu, chủ thể và môi trường văn hóa, tránh phục dựng hình thức khi không còn cơ sở bảo đảm tính xác thực và khả năng tiếp tục thực hành trong cộng đồng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng Danh mục các giá trị văn hóa truyền thống làng xã ở khu vực đồng bằng Thanh Hóa cần bảo vệ và phát huy..

Tài liệu tham khảo

- Lê Thanh Hà (chủ biên, 2024). *Xứ Thanh – Đa dạng văn hóa và phát triển bền vững*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật
- Phan Đại Doãn (2001). *Làng xã Việt Nam – Một số vấn đề kinh tế – văn hóa – xã hội*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Trần Từ (1984). *Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ*. NXB Khoa học xã hội.
- UNESCO. (1972). *Convention concerning the Protection of the World Cultural and Natural Heritage*. Paris: UNESCO.
- UNESCO. (2003). *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*. Paris: UNESCO.
- Võ Quang Trọng, Vũ Ngọc Khánh (2000). *Hương ước Thanh Hóa*. NXB Khoa học xã hội.